

AN SINH XÃ HỘI TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ MÔI TRƯỜNG HIỆN NAY Ở VIỆT NAM

✍️ TRẦN THỊ KIM LIÊN*

Ngày nhận: 20/12/2021

Ngày phản biện: 20/01/2022

Ngày duyệt đăng: 15/02/2022

Tóm tắt: Trong thời gian qua, mặc dù chính sách an sinh xã hội (ASXH) đã được Nhà nước quan tâm dành mọi nguồn lực hỗ trợ các đối tượng yếu thế trong xã hội đảm bảo cuộc sống và tiếp cận các dịch vụ thiết yếu. Song trên thực tế việc triển khai chính sách ASXH trong điều kiện kinh tế và môi trường nước ta hiện nay gặp không ít thách thức, do đó cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, phù hợp với điều kiện kinh tế và môi trường hiện nay. Bài viết đề cập đến một số vấn đề: (i) Quan điểm về ASXH; (ii) Mối quan hệ giữa ASXH với kinh tế và môi trường; (iii) Thời cơ và thách thức triển khai ASXH trong bối cảnh kinh tế và môi trường hiện nay tại Việt Nam; (iv) Giải pháp triển khai đồng bộ chính sách ASXH trong điều kiện kinh tế và môi trường hiện nay.

Từ khóa: An sinh xã hội; quan điểm; cơ hội và thách thức; giải pháp.

SOCIAL SECURITY IN CURRENT ENVIRONMENTAL AND ECONOMIC DEVELOPMENT IN VIETNAM

Abstract: In recent years, although the social security policy has been paid attention by the State, all resources have been devoted to supporting the disadvantaged in society to ensure their lives and access essential services. However, in reality, the implementation of social security policy in the current economic and environmental conditions of our country faces many challenges, so it is necessary to synchronously deploy many solutions, suitable to the current economic and environmental conditions. The paper mentions a number of issues: (i) Perspectives on social security; (ii) The relationship between social security and economy & environment; (iii) Opportunities and challenges of implementing social security in the current economic and environmental context in Vietnam; (iv) Solutions for synchronously implementing social security policies in the current economic and environmental conditions.

Keywords: Social security; perspectives; opportunities and challenges; solutions.

1. Đặt vấn đề

Trong chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, Chính phủ đã đưa ra 3 trụ cột trong định hướng ưu tiên phát triển bền vững gồm: kinh tế; xã hội và môi trường. Ba trụ cột này gắn bó chặt chẽ với nhau trong quá trình phát triển xã hội. Trong đó, trụ cột xã hội- con người cần được ưu tiên quan tâm hàng đầu với nhiệm vụ trọng tâm là hỗ trợ các nhóm yếu thế trong xã hội có cuộc sống tốt đẹp hơn.

Bước vào thời kỳ chủ động và tích cực hội nhập sâu rộng với nền kinh tế quốc tế, cùng với sự tăng trưởng kinh tế, hệ thống ASXH cũng ngày càng đồng bộ, hoàn thiện với diện bao phủ không ngừng được mở rộng. Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia thành công nhất trong thực hiện các mục tiêu Thiên niên kỷ về giảm nghèo và giải quyết các vấn đề xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững nền kinh tế. Tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế đất nước còn eo hẹp và đứng trước các thách thức

không nhỏ từ tiến trình phát triển, hội nhập như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu... đã khiến cho việc thực hiện chính sách ASXH gặp nhiều khó khăn. Do vậy, việc nghiên cứu một cách có hệ thống chính sách ASXH trong bối cảnh kinh tế và môi trường để thấy được sự tác động qua lại của các vấn đề nhằm tìm ra giải pháp giải quyết hài hòa có ý nghĩa hết sức quan trọng.

2. Quan điểm về an sinh xã hội

Trải qua các thời kỳ phát triển khác nhau của đất nước, quan điểm về ASXH ngày càng được bổ sung, phát triển và hoàn thiện. Theo đó, ASXH là hệ thống các chính sách và chương trình do Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm bảo đảm cho mọi người dân ít nhất có được mức tối thiểu về thu nhập, có cơ hội tiếp cận ở mức tối thiểu về các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu, như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin,... thông qua việc nâng cao năng

* Trường Đại học Công đoàn

lực tự an sinh của người dân và sự trợ giúp của Nhà nước [6].

Chính sách ASXH cần tập trung vào 4 nội dung trọng điểm như sau:

Một là, đảm bảo thu nhập tối thiểu, tạo cơ hội việc làm cho người lao động yếu thế trong xã hội thông qua kết nối người lao động với thị trường lao động; hỗ trợ vốn tín dụng phát triển sản xuất.

Hai là, mở rộng cơ hội cho người lao động tham gia hệ thống chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp để chủ động đối phó khi thu nhập bị suy giảm hoặc bị mất do các rủi ro, ốm đau, tai nạn lao động, tuổi già.

Ba là, hỗ trợ thường xuyên đối với người có hoàn cảnh đặc thù và hỗ trợ đột xuất cho người dân khi gặp các rủi ro không lường trước hoặc vượt quá khả năng kiểm soát (mất mùa, thiên tai, động đất, chiến tranh, đói nghèo,...) thông qua các khoản tiền mặt và hiện vật do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Bốn là, tăng cường tiếp cận của người dân đến hệ thống dịch vụ xã hội cơ bản, như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường, thông tin.

3. Mối quan hệ giữa ASXH với kinh tế và môi trường

Mối quan hệ giữa ASXH và kinh tế

Bản chất của ASXH là hình thức phân phối đặc thù. Tính đặc thù được thể hiện ở chỗ đây là hình thức mà đối tượng được thụ hưởng chủ yếu là nhóm người yếu thế trong xã hội. Thông qua các chính sách ASXH giúp họ giải quyết các khó khăn khi gặp rủi ro ốm đau, bệnh tật, thất nghiệp, già yếu...[2]. ASXH và phát triển kinh tế là hai mặt của cùng một vấn đề, có mối quan hệ hữu cơ, gắn kết mật thiết với nhau. Chính sách ASXH hoàn chỉnh sẽ có tác động đến phát triển kinh tế theo các khía cạnh khác nhau như sau:

Một là, điều chỉnh kết cấu thị trường lao động, giúp thúc đẩy phát triển kinh tế

Thông qua các chính sách khác nhau của ASXH như bảo hiểm thất nghiệp đảm bảo cuộc sống tối thiểu của những người thất nghiệp nhưng đồng thời trong thời gian đó những người thất nghiệp có thể nâng cao tay nghề bằng cách học tập, bồi dưỡng kỹ năng để tiếp tục tìm kiếm việc làm mới giúp cho thị trường lao động có nguồn nhân lực chất lượng cao. Ngoài ra, nguồn tiền hỗ trợ ASXH lại là nguồn vốn ổn định để điều chỉnh kết cấu kinh tế, nhất là khi nền kinh tế gặp những biến cố do khủng hoảng tài chính, dịch bệnh... gây ra. Thông qua đó giúp điều chỉnh kết cấu kinh tế, kết cấu nghề nghiệp và kết cấu sản xuất.

Hai là, chính sách ASXH đảm bảo quá trình tái

sản xuất sức lao động, góp phần bảo đảm cho sự tiếp diễn của quá trình sản xuất và tiêu dùng

ASXH đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm và ổn định đời sống vật chất và tinh thần của cá nhân, gia đình, cộng đồng và xã hội. Thông qua các gói bảo hiểm như bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bảo hiểm thất nghiệp... đã giúp người lao động phục hồi sức khỏe, tái tạo sức lao động; duy trì cuộc sống tối thiểu cho người lao động không may thất nghiệp, tạo điều kiện họ tìm kiếm việc làm mới nhằm đảm bảo điều kiện thuận lợi tái sản xuất sức lao động, thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

ASXH được coi là một cơ chế phân phối đặc thù, thông qua sự thụ hưởng về vật chất của cá nhân, người lao động trong xã hội đã tạo ra các hành vi tiêu dùng của họ từ đó tạo điều kiện cho quá trình tiêu dùng và sản xuất được diễn ra một cách liên tục.

Ba là, ASXH góp phần gia tăng vốn cho nền kinh tế

Nguồn vốn để phát triển nền kinh tế có thể có từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó có nguồn vốn từ quỹ bảo hiểm xã hội (BHXH) cũng có sự đóng góp đáng kể. Hoạt động đầu tư của quỹ BHXH mang lại lợi ích cho các bên liên quan nhưng trước hết là mang lại lợi ích cho chính quỹ BHXH. Thông qua hoạt động đầu tư Quỹ BHXH vào các lĩnh vực có khả năng sinh lời của nền kinh tế, nguồn tài chính nhàn rỗi từ Quỹ BHXH có thể tạo ra một nguồn tài chính tương đối lớn bổ sung vào quỹ, từ đó tăng quy mô và sức mạnh cho Quỹ BHXH. Mặt khác, quy mô số người tham gia BHXH ngày càng tăng cũng tạo nên sự tăng trưởng cho quỹ, đảm bảo khả năng chi trả thường xuyên cho các đối tượng hưởng chế độ BHXH.

Đối với nền kinh tế, nguồn vốn lớn có được từ tín dụng Quỹ BHXH sẽ hỗ trợ quan trọng để đầu tư phát triển một số dự án phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước, giúp thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. Đặc biệt, trong điều kiện nền kinh tế đang phát triển, nhu cầu vốn cho đầu tư không ngừng tăng nhanh thì bên cạnh việc thu hút các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài, việc cung ứng vốn từ nền kinh tế thông qua các tụ điểm tài chính như Quỹ BHXH có ý nghĩa rất quan trọng, nhất là tạo ra sự tự chủ và thế chủ động trong việc phát triển kinh tế đất nước.

Như vậy có thể thấy rằng ASXH có tác động đến kinh tế ở nhiều mặt khác nhau. Do đó, trong quá trình phát triển kinh tế cần coi trọng và hướng tới mục tiêu con người thông qua chính sách ASXH và coi đây là bàn đạp và động lực để phát triển kinh tế. Ngược lại, chỉ trên cơ sở nền kinh tế phát triển năng

động, hiệu quả, bền vững thì mới bảo đảm nguồn thu ngân sách để chi tiêu cho ASXH. Suy cho cùng khi chế độ ASXH được đảm bảo mới là điều kiện kiên quyết để bảo đảm cho quá trình tái sản xuất sức lao động, quá trình tiêu dùng; là điều kiện để điều chỉnh kết cấu kinh tế, khống chế sự gia tăng dân số quá mức, giảm áp lực dân số, xúc tiến sự công bằng xã hội, từ đó xúc tiến phát triển kinh tế. Chính vì lẽ đó, việc phát triển kinh tế cần phải lấy con người làm mục tiêu trọng tâm được thể hiện ở các khía cạnh như sau:

Thứ nhất, phát triển kinh tế gắn với đảm bảo phúc lợi

Thông qua sự thay đổi về kết cấu phân phối nhằm nâng cao mức độ phúc lợi cho mọi thành viên trong xã hội để cải thiện các điều kiện về giáo dục, y tế, điều kiện dinh dưỡng cho các gia đình có thu nhập thấp... Phát triển kinh tế đảm bảo phúc lợi cho người dân cần thực hiện trên cơ sở bền vững, kết hợp hài hòa các chính sách kinh tế, xã hội tránh việc tạo ra khoảng cách giàu nghèo, phân hóa xã hội.

Thứ hai, phát triển kinh tế chú trọng đến hoàn thiện chính sách ASXH

Con người là nhân tố trung tâm của xã hội, là lực lượng lao động trong nền kinh tế. Nếu cá nhân, người lao động không được quan tâm, chăm sóc về sức khỏe, điều kiện vật chất tối thiểu sẽ gây sự bất ổn trong cuộc sống, sức khỏe và tâm lý bất an cho họ. Từ đó tạo ra lực cản trong phát triển kinh tế bởi thiếu nguồn lực lao động, nhu cầu đầu tư, tiêu dùng giảm. Điều đó cho thấy trong tiến trình phát triển kinh tế phải luôn luôn coi trọng đến chính sách ASXH.

Mối quan hệ giữa ASXH và môi trường

ASXH hướng tới các nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội, trợ giúp họ có cơ hội được tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản về khám chữa bệnh, học hành, nhà ở, điện, nước sinh hoạt, văn hoá, thông tin và truyền thông, bảo đảm vệ sinh môi trường, đi lại..., chỉ khi nhu cầu cuộc sống thiết yếu của họ được đảm bảo thì họ mới có được nhận thức về các vấn đề môi trường và phát triển bền vững. Thông qua các hành động rất nhỏ trong cuộc sống hàng ngày của họ như giữ gìn vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi, tiết kiệm tài nguyên điện, nước... đã góp phần giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Xa hơn nữa, khi con người đã có cuộc sống đầy đủ hơn thì nhận thức về các vấn đề môi trường sẽ được nâng lên một tầm cao mới. Giờ đây không chỉ bằng các hành động nhỏ nữa mà thông qua việc chủ động lựa chọn các nguồn tài nguyên xanh, sạch như sử dụng phương tiện giao thông thân thiện môi trường, điện gió, điện mặt trời, công nghệ sạch trong sinh

hoạt, sản xuất kinh doanh sẽ góp phần giảm phát thải carbon.

Ngược lại, môi trường cũng có tác động không nhỏ đến ASXH ở khía cạnh sau đây:

Biến đổi khí hậu gây ra các hiện tượng cực đoan như hạn hán, lũ lụt, sóng thần... đã và đang tác động trực tiếp và gián tiếp đến đời sống và sức khỏe của con người. Hơn nữa, những tác động này có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế của nhiều ngành, làm gia tăng tình trạng đói nghèo, dịch bệnh, di dân, tị nạn... Điều đó kéo theo các chính sách ASXH khó được đảm bảo khi việc chi trả vượt quá nguồn lực cho phép. Thêm vào đó, biến đổi khí hậu sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến các nguồn tài nguyên như: nước, không khí, lương thực... đã gây ra các vấn đề bất bình đẳng xã hội trong việc tiếp cận các nguồn tài nguyên này vốn dĩ đã tương đối khó khăn trong điều kiện bình thường. Cũng cần phải nhấn mạnh thêm rằng, một trong những nguyên nhân chính gây ra các hiện tượng biến đổi khí hậu là do các hoạt động của con người. Hoạt động sản xuất kinh doanh khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách bừa bãi đã làm gia tăng phát thải carbon gây nên sự nóng lên toàn cầu.

Có thể nhận thức một cách sâu sắc rằng, con người là một chốt của mọi vấn đề trong mối quan hệ giữa ASXH và môi trường. Chỉ khi nào giải quyết được bài toán đảm bảo đời sống của con người thông qua các chính sách ASXH thì khi đó các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu, môi trường mới được cải thiện và quan tâm.

Nói tóm lại, trong ba trụ cột phát triển bền vững cần tập trung vào trụ cột xã hội thông qua chính sách ASXH - trung tâm của vấn đề để giải quyết các thách thức trong phát triển kinh tế và môi trường. Trụ cột kinh tế và môi trường phải hướng đến con người và lấy con người làm mục tiêu và động lực để phát triển. Đồng thời khi hai trụ cột này đã đạt được mức phát triển bền vững thì tự khắc vấn đề về con người sẽ được giải quyết.

4. Thời cơ và thách thức triển khai an sinh xã hội trong bối cảnh kinh tế và môi trường hiện nay tại Việt Nam

4.1. Thời cơ

Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, chính sách ASXH đã được Đảng và Nhà nước quan tâm triển khai thực hiện nhằm góp phần phát triển con người, thúc đẩy công bằng và tiến bộ xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho mọi người dân. Với quan điểm xây dựng một chính sách ASXH công bằng, đa dạng, mở rộng và hiệu quả, hệ thống chính

sách ASXH tại nước ta hiện nay được chia làm 4 nhóm cơ bản như sau:

(1) Nhóm chính sách đảm bảo việc làm, tạo thu nhập và giảm nghèo nhằm hỗ trợ người dân chủ động phòng ngừa các rủi ro trên thị trường lao động.

(2) Nhóm chính sách BHXH nhằm hỗ trợ người dân giảm thiểu rủi ro về sức khỏe khi ốm đau, tai nạn, tuổi già và khi bị thất nghiệp.

(3) Nhóm chính sách trợ giúp xã hội nhằm hỗ trợ đột xuất và hỗ trợ thường xuyên cho người dân khắc phục các rủi ro khó lường, vượt quá khả năng kiểm soát như mất mùa, đói nghèo.

(4) Nhóm chính sách dịch vụ xã hội cơ bản - trụ cột ASXH nhằm hỗ trợ người dân tiếp cận hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản ở mức tối thiểu bao gồm y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin truyền thông, trợ giúp pháp lý.

Các nhóm chính sách trên đã được triển khai tương đối đầy đủ và bao quát đến tất cả các đối tượng thụ hưởng trong xã hội. Các nội dung về ASXH đã được quy định rõ trong Hiến pháp năm 2013, hệ thống văn bản pháp luật như Bộ Luật Lao động được sửa đổi năm 2012; Luật Việc làm được ban hành lần đầu năm 2013; Luật bảo hiểm y tế sửa đổi năm 2013; Luật bảo hiểm xã hội sửa đổi năm 2014. Nền tảng pháp lý về

ASXH được sửa đổi, bổ sung trong quá trình thực hiện đã tạo ra những kết quả nhất định trong công tác triển khai chính sách ASXH (xem *Bảng 1*).

4.2. Thách thức

Mặc dù chính sách ASXH tại nước ta thời gian qua đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể song so với nhu cầu đáp ứng các điều kiện cơ bản của người dân, công đồng vẫn chưa được thực hiện toàn diện. Điều đó xuất phát từ những thách thức triển khai công tác ASXH trong bối cảnh kinh tế và môi trường nước ta hiện nay. Có thể kể đến một số thách thức điển hình trong việc thực hiện chính sách ASXH như sau:

Thách thức từ kinh tế

Thứ nhất, nền kinh tế nước ta vẫn là một nền kinh tế nông nghiệp trải qua nhiều cuộc chiến tranh khốc liệt đã để lại hậu quả nặng nề tác động không nhỏ đến đời sống kinh tế người dân. Do đó, Việt Nam vẫn là một nước đang phát triển có thu nhập trung bình thuộc nhóm thấp và phải đối diện với những thách thức đặt ra trong vấn đề tăng trưởng, phát triển kinh tế xã hội. Vấn đề đặt ra trong bối cảnh kinh tế hiện nay là cần tập trung nguồn lực cho phát triển kinh tế một cách hiệu quả và bền vững. Với nguồn lực kinh tế eo hẹp hiện nay thì việc thực hiện chính sách ASXH bao phủ toàn bộ người dân tương

Bảng 1: Kết quả ASXH tại Việt Nam theo các nhóm chính sách cơ bản

Nhóm chính sách đảm bảo việc làm, tạo thu nhập và giảm nghèo	Nhóm chính sách BHXH, BHYT	Nhóm chính sách trợ giúp XH	Nhóm chính sách dịch vụ XH cơ bản
Đối với vấn đề đảm bảo việc làm, tăng thu nhập Thông qua các quý giải quyết việc làm quốc gia; chính sách tín dụng ưu đãi, giới thiệu việc làm... đã góp phần đảm bảo tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có việc làm chiếm đến 77%, duy trì tỷ lệ ở mức thấp từ 2-3% trong vòng 10 năm qua và nằm trong nhóm các quốc gia có tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất thế giới. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, thu nhập bình quân của người lao động được cải thiện, tăng bình quân 8,7%/năm trong giai đoạn 2013 - 2018	Đối với Chính sách BHXH BHXH đã bao phủ đến tất cả các đối tượng trong xã hội với 3 gói chính sách lớn là BHXH bắt buộc; BHXH tự nguyện và BHYT. Theo đó, tỷ lệ người lao động tham gia BHXH đã có sự gia tăng đáng kể từ 21,8% năm 2011 lên 32% năm 2019. Riêng đối với BHYT trong thời gian qua đã thu hút lực lượng trong độ tuổi lao động tham gia đông đảo, tăng từ 17,1% năm 2011 lên trên 27% năm 2019. BHXH tự nguyện thu hút 545 nghìn người, tăng gần gấp đôi so với cả giai đoạn 2008 - 2018. Quý BHXH chỉ trả mỗi năm cho các chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho từ 6 - 10 triệu lượt người	Về đối tượng được trợ giúp XH Đối tượng nhận trợ giúp XH ngày được mở rộng bao phủ 8 nhóm được trợ cấp XH hàng tháng và Các trường hợp trợ giúp XH khẩn cấp. Theo đó, số người hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng bằng tiền mặt, tăng từ gần 1,7 triệu người năm 2011 (chiếm 1,9% dân số) lên hơn 2,9 triệu người năm 2019 (chiếm 3% dân số). Trong giai đoạn 2012-2019, đối tượng trợ giúp trong trường hợp khẩn cấp như người dân bị thiên tai, bão lũ, dịch bệnh... lên đến 18,4 triệu nhân khẩu thiếu lương thực	Về phổ cập giáo dục Từ năm 2014 đến nay, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách nhằm thúc đẩy phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; tăng cường Tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số. Với những nỗ lực đó, đến nay, tất cả 63 tỉnh, thành phố trên cả nước đều đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi và phổ cập tiểu học. Tỷ lệ biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15-35 và 15-60 của toàn quốc lần lượt là 97,92% và 97,35% Về hệ thống y tế cơ sở và y tế dự phòng Hệ thống y tế đã tiếp cận và cung cấp dịch vụ đến mọi người dân từ vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Số lượng trạm y tế, cán bộ y tế cấp xã ngày càng gia tăng đạt tỷ lệ lần lượt là 98,4% xã có trạm y tế; 96,0% thôn, bản có nhân viên y tế thôn.
Đối với vấn đề giảm nghèo Thông qua các chính sách hỗ trợ, nguồn vốn ưu tiên của Chính phủ cho công tác giảm nghèo tăng gấp 2 lần trong giai đoạn 2016-2020 và đạt trên 93,6 nghìn tỷ đồng đã thúc đẩy hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững. Theo Báo cáo của Ban Chỉ đạo Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016- 2020, đến cuối năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo cả nước còn 3,75%; trong 4 năm, có 58% số hộ nghèo đã thoát nghèo. Ước đến cuối năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm còn khoảng 2,75%. Như vậy sau 5 năm, tỷ lệ hộ nghèo bình quân cả nước giảm khoảng 1,43%/năm, đạt chỉ tiêu Quốc hội giao. Việt Nam trở thành quốc gia đầu tiên về đích trước Mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc về giảm nghèo.	Đối với BHYT Hiện nay, BHYT cơ bản đã bao phủ toàn dân với 85,39 triệu người tham gia BHYT, chiếm 90% dân số cả nước năm 2019. Chỉ tính riêng trong năm 2019, Quý BHYT đã chi trả cho 186 triệu lượt người khám bệnh, chữa bệnh bằng bảo BHYT tăng gấp 2 lần so với số lượt chi trả trong năm 2009.	Về mức chi trả trợ cấp Để giúp đỡ các đối tượng yếu thế trong XH, mức chuẩn trợ cấp ngày càng được tăng lên. Theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định mức chuẩn trợ giúp XH áp dụng từ ngày 01/7/2021 là 360.000 đồng/tháng. Mức chuẩn này đã tăng lên so với mức cũ quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP là 270.000 đồng/tháng.	Về nhà ở cho các nhóm đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương Thông qua các nguồn tài trợ từ công đồng, doanh nghiệp, các tổ chức XH... đã góp phần hỗ trợ các hộ nghèo khó khăn về nhà ở với 198 dự án nhà ở XH năm 2018 và tiếp tục tăng lên Về mạng lưới cấp nước sạch và hệ thống thông tin truyền thông Mạng nước cấp nước sạch đã tiếp cận dịch vụ đến các vùng sâu, vùng xa, nơi có điều kiện khó khăn với tỷ lệ dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 90% năm 2019. Ngoài ra, từ năm 2017 hệ thống thông tin đã hoàn thành mục tiêu 100% xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo được phủ sóng phát thanh mặt đất và truyền hình mặt đất

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

đối khó khăn. Tuy nhiên khi đã đạt được kết quả trong phát triển kinh tế sẽ tạo nền tảng để triển khai công tác ASXH một cách toàn diện.

Thứ hai, thách thức từ hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nhập kinh tế thế giới không chỉ đem lại cho nước ta các cơ hội hợp tác, thu hút nguồn vốn, công nghệ, chuyển giao kinh nghiệm quốc tế mà còn tạo ra không ít thách thức trong cạnh tranh gay gắt về nguồn nhân lực, việc làm, thị trường lao động trong khu vực và trên thế giới... Điều đó vô hình chung đã tạo ra áp lực thực hiện chính sách ASXH trong quá trình di dân, di chuyển lao động từ nông thôn ra thành thị hoặc ra thị trường quốc tế.

Thách thức từ môi trường

Hiện nay biến đổi khí hậu là vấn đề toàn cầu đã tạo ra thách thức nghiêm trọng nhất đối với nhân loại trong thế kỷ XXI. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề từ biến đổi khí hậu. Tác động của biến đổi khí hậu đối với nước ta rất nghiêm trọng, là nguy cơ gây ra áp lực cho mục tiêu xóa đói, giảm nghèo và thực hiện các mục tiêu về phát triển bền vững. Theo Ủy ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu, khi nước biển dâng cao 1m, ước chừng 5,3% diện tích tự nhiên, 10,8% dân số, 10,2% GDP, 10,9% vùng đô thị, 7,2% diện tích nông nghiệp và 28,9% vùng đất thấp sẽ bị ảnh hưởng. Dưới tác động của biến đổi khí hậu, chỉ trong 10 năm gần đây, các loại thiên tai như: Bão, lũ, sạt lở đất, úng ngập, hạn hán, xâm nhập mặn... đã gây thiệt hại đáng kể, làm chết và mất tích hơn 9.500 người, thiệt hại về tài sản ước tính 1,5% GDP/năm. Thêm vào đó, là một nước nông nghiệp với tỷ lệ đóng góp của nông nghiệp vào GDP là 20% và phần đông người nghèo sống dựa vào nông nghiệp và đánh bắt thủy sản, nên Việt Nam dễ bị tổn thương nhất do quá trình biến đổi khí hậu. Điều đó đồng nghĩa với việc số người yếu thế bị tác động bởi biến đổi khí hậu cần được trợ giúp xã hội ngày càng gia tăng và tạo áp lực cho chính sách ASXH vốn đã eo hẹp.

Thách thức từ nội tại chính sách ASXH

Hệ thống chính sách ASXH hiện hành còn phân tán, manh mún, thiếu sự gắn kết, chưa khuyến khích người dân tích cực tham gia... Hiệu quả chính sách còn hạn chế. Các quy định, hệ thống chính sách, luật pháp về an sinh xã hội hiện nay chưa theo kịp với đòi hỏi của nền kinh tế thị trường và xu hướng phát triển quốc tế.

Bên cạnh đó, nguồn lực để thực hiện chính sách ASXH còn hạn hẹp, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước còn thấp và chưa đúng đối tượng. Đặc biệt là chưa huy động hết sự tham gia từ cộng đồng và các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

5. Đề xuất một số giải pháp triển khai đồng bộ chính sách an sinh xã hội trong điều kiện kinh tế và môi trường hiện nay

Một là, xây dựng một nền kinh tế phát triển bền vững, trong đó chú trọng đến khía cạnh bình đẳng trong tiếp cận các nguồn tài nguyên, mức sống, dịch vụ y tế và giáo dục của con người trong xã hội. Hơn nữa cần có kế hoạch hành động cụ thể phát triển các doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm tạo việc làm và chuyển dịch cơ cấu việc làm cho người lao động ổn định cuộc sống.

Hai là, tăng cường các nguồn lực trong và ngoài nước để đảm bảo ASXH. Ngoài việc tăng chi NSNN đảm bảo thực hiện chính sách ASXH theo mức quy định cần tăng cường huy động nguồn lực từ chính các doanh nghiệp, người dân và cộng đồng trong nước thông qua việc đa dạng hóa các mô hình ASXH. Bên cạnh đó cũng cần huy động nguồn lực quốc tế trong việc hợp tác, chuyển giao kinh nghiệm và đóng góp vật chất nhằm thúc đẩy chính sách ASXH hoàn thiện hơn.

Ba là, hướng tới phát triển bền vững môi trường thông qua việc khuyến khích các hành vi tiêu dùng, sản xuất xanh như sử dụng các sản phẩm, công nghệ tiên tiến thân thiện với môi trường. Thêm vào đó, cần xây dựng một nền kinh tế phi phát thải, phấn đấu đến năm 2030 giảm được 25% phát thải khí nhà kính. Chỉ khi nào đạt được sự bền vững về môi trường thì khi đó mới tạo ra môi trường sống để con người có thể tồn tại, phát triển và có cơ hội tiếp cận với các chính sách ASXH tốt hơn.

Bốn là, giải quyết các thách thức đặt ra trong nội tại chính sách ASXH thông qua việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật về ASXH, cần nghiên cứu xây dựng và ban hành Luật Việc làm, Luật Tiền lương tối thiểu, Luật Cứu trợ xã hội, Luật Ưu đãi xã hội; nghiên cứu sửa đổi Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Người tàn tật, Luật Người cao tuổi... □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Trọng Đàm (2016), "Hoàn thiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước", *Tạp chí Lao động và xã hội*.
2. Phạm Đì (2016), "Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và chính sách an sinh xã hội", *Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực III*.
3. Nguyễn Đình Luận (2016), "Quy định về hoạt động đầu tư từ Quỹ Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp", *Tạp chí Tài chính kỷ 1*.
4. Trần Văn Kiên (2021), "Kinh nghiệm quốc tế về xây dựng hệ thống an sinh xã hội và bài học cho Việt Nam", *Tạp chí Tài chính kỷ 2*.
5. Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.
6. Mạc Văn Tiến (2005), An sinh xã hội và phát triển nguồn nhân lực, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.